



luò kōng
落空

verb · come to nothing; fail

Example Sentences

Tā de jì huà luò kōng le
他的计划落空了。

His plan came to nothing.

Yīn wèi tiān qì bù hǎo wǒ men de lǚ xíng xī wàng luò kōng le
因为天气不好，我们的旅行希望落空了。

Because of bad weather, our hope for the trip fell through.

Trace each character, then write the word on your own.

落	落	落	落	落	落	落	落	落	落	落
落	落	落	落							

空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空
